

Số: 12/2026/BC-HàSeCo

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ GIẢI TRÍ HÀ NỘI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ GIẢI TRÍ HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 614, đường Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, TP. Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 35



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ giải trí Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Bà Nguyễn Thị Vân	Chủ tịch
Ông Lê Xuân Nam	Phó chủ tịch
Bà Cao Minh Trúc	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Hải	Thành viên
Ông Đoàn Anh Trung	Thành viên
Ông Nguyễn Trường Giang	Thành viên
Bà Lê Thị Giang	Thành viên

Ban Tổng giám đốc

Bà Lê Thị Giang	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Văn Toàn	Phó Tổng giám đốc
Bà Nghiêm Thị Hồng Hạnh	Phó Tổng giám đốc
Bà Lê Thị Nhạn	Phó Tổng giám đốc

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ GIẢI TRÍ HÀ NỘI



Lê Thị Giang
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2026

Số: 0403.01 -26/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ giải trí Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ giải trí Hà Nội (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 02 năm 2026, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Hùng Sơn

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2023-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Ngô Bá Duy

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2023-034-1



Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		87.051.770.793	72.304.211.581
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.918.873.681	3.600.966.579
1. Tiền	111	V.1.	3.918.873.681	3.600.966.579
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2.	76.715.000.000	63.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		76.715.000.000	63.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.391.788.050	4.381.015.123
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	1.540.154.380	2.009.932.335
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	1.956.927.641	951.066.761
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	2.140.220.279	1.665.530.277
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6.	(245.514.250)	(245.514.250)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7.	739.307.958	573.679.119
1. Hàng tồn kho	141		739.307.958	573.679.119
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		286.801.104	248.550.760
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10.	286.801.104	17.944.634
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	200.265.777
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	V.14.	-	30.340.349
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		59.706.122.647	63.890.028.192
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		53.457.457.654	56.385.616.938
1. TSCĐ hữu hình	221	V.8.	53.457.457.654	56.385.616.938
- Nguyên giá	222		223.833.772.926	228.576.894.112
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(170.376.315.272)	(172.191.277.174)
2. TSCĐ vô hình	227	V.9.	-	-
- Nguyên giá	228		18.324.833.000	18.324.833.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(18.324.833.000)	(18.324.833.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		296.253.398	200.420.065
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11.	296.253.398	200.420.065
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.952.411.595	7.303.991.189
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.	5.952.411.595	7.303.991.189
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		146.757.893.440	136.194.239.773

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này).

2022
ÔNG
1 NHIỆM
TOÁN VÀ
IẾT
2/1/25

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		29.535.258.136	23.438.205.337
I. Nợ ngắn hạn	310		16.095.266.356	16.082.463.557
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12.	2.622.585.606	4.365.823.140
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13.	1.591.234.857	192.981.904
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.14.	1.702.009.423	621.967.773
4. Phải trả người lao động	314		1.425.033.333	1.359.954.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15.	3.610.227.232	4.275.751.019
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17.	3.570.679.757	3.268.696.164
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16.	1.101.331.177	987.706.443
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18.	-	810.000.000
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		472.164.971	199.583.114
II. Nợ dài hạn	330		13.439.991.780	7.355.741.780
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16.	13.439.991.780	7.355.741.780
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		117.222.635.304	112.756.034.436
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19.	117.222.635.304	112.756.034.436
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		92.974.500.000	92.974.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		92.974.500.000	92.974.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.162.250.000	8.162.250.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(28.000.000)	(28.000.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.001.189.026	5.001.189.026
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.098.251.553	2.098.251.553
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.014.444.725	4.547.843.857
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	(8.644.589.232)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		9.014.444.725	13.192.433.089
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		146.757.893.440	136.194.239.773

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ GIẢI TRÍ HÀ NỘI

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Thị Thúy Hà

Vũ Quang Tuyên

Lê Thị Giang

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này).

Mẫu B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024 (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	152.327.211.223	156.188.812.323
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02)	10		152.327.211.223	156.188.812.323
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	103.759.273.556	103.116.286.129
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		48.567.937.667	53.072.526.194
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	4.025.423.618	2.691.240.456
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6.	17.259.892.898	18.924.849.101
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6.	20.778.751.304	23.355.937.900
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		14.554.717.083	13.482.979.649
11. Thu nhập khác	31	VI.4.	339.127.362	800.063.150
12. Chi phí khác	32	VI.5.	3.500.588.539	6.032.638
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(3.161.461.177)	794.030.512
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		11.393.255.906	14.277.010.161
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8.	2.378.811.181	1.084.577.072
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		9.014.444.725	13.192.433.089
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9.	969,85	1.330,06

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ GIẢI TRÍ HÀ NỘI

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Thị Thúy Hà

Vũ Quang Tuyên

Lê Thị Giang

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này).

Mẫu B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		164.468.671.955	166.676.355.891
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(107.721.598.494)	(104.708.140.750)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(21.910.507.040)	(23.115.361.950)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.429.593.022)	(509.984.050)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		12.839.107.063	13.711.762.999
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(23.092.431.006)	(23.872.883.120)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		23.153.649.456	28.181.749.020
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(9.406.114.573)	(8.130.629.530)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	2.675.972.861
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(108.185.000.000)	(91.800.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		94.970.000.000	66.320.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.466.311.436	2.861.487.670
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(19.154.803.137)	(28.073.168.999)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.681.187.100)	(29.502.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.681.187.100)	(29.502.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		317.659.219	79.078.021
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.600.966.579	3.521.537.141
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		247.883	351.417
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1.	3.918.873.681	3.600.966.579

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ GIẢI TRÍ HÀ NỘI

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Thị Thúy Hà



Vũ Quang Tuyên



Lê Thị Giang

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ giải trí Hà Nội (Sau đây gọi tắt là “Công ty”), là Công ty Cổ phần, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 055096 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 11/11/1998. Công ty đã có 09 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100844825 thay đổi lần thứ 9 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 10/04/2024 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật thì vốn điều lệ của Công ty là **100.000.000.000 VND (Một trăm tỷ đồng)**.

Đến ngày 31/12/2025, Công ty chưa góp đủ Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên thị trường Upcom với mã giao dịch là HES.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh dịch vụ vui chơi giải trí, các trò chơi trên mặt đất, dưới nước và trên không;
- Dịch vụ văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao và rèn luyện thân thể;
- Cho thuê địa điểm hội nghị, hội thảo; Dịch vụ ăn uống giải khát; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá;
- Vận chuyển khách du lịch; Kinh doanh du lịch lữ hành.

Trụ sở Công ty tại: Số 614, đường Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, TP. Hà Nội, Việt Nam.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

6. Số lượng nhân viên

Số lượng nhân viên tại ngày 31/12/2025 là 164 người (Tại ngày 31/12/2024: 163 người).

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (“VND”), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. Các chính sách kế toán chủ yếu**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tây Hồ tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tây Hồ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tây Hồ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tây Hồ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn có khả năng thanh khoản cao và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết trả nợ mà doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tại ngày 31/12/2025, Công ty không có hàng tồn kho cần phải trích lập dự phòng giảm giá.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ**7.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm>
- Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 30
- Máy móc thiết bị	04 - 12
- Phương tiện vận tải	06 - 08
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 07

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

7.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là các chi phí đền bù san lấp, giải phóng mặt bằng, phần mềm kế toán và bài giảng điện tử được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Bài giảng điện tử

Chi phí liên quan đến việc tổ chức đào tạo cho nhân viên mà ở đó toàn bộ kế hoạch hoạt động dạy học đều được chương trình hoá do giáo viên điều khiển thông qua môi trường multimedia do máy vi tính tạo ra. Nguyên giá của bài giảng điện tử là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa bài giảng điện tử vào sử dụng. Bài giảng điện tử được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

Chi phí đền bù san lấp, giải phóng mặt bằng

Nguyên giá chi phí đền bù giải phóng mặt bằng là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng. Chi phí đền bù san lấp, giải phóng mặt bằng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 11 năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí cải tạo, sửa chữa hệ thống thoát nước tổng cho công viên nước Hồ Tây được ghi nhận theo giá gốc tại thời điểm có nghiệm thu quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và các chi phí khác thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn, thời gian sử dụng dài.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ thể hiện các chi phí phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

10. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả có thời hạn trả nợ từ 01 năm trở xuống được Công ty ghi nhận là nợ phải trả ngắn hạn. Các khoản nợ phải trả có thời hạn trên 01 năm được Công ty ghi nhận là nợ phải trả dài hạn.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản trích trước các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: tiền nhận trước theo hợp đồng hợp tác kinh doanh khai thác tài sản và các khoản doanh thu nhận tiền trước khác.

Doanh thu chưa thực hiện không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Cổ phiếu quỹ mua trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán (01/01/2021) là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01/01/2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ vui chơi giải trí, tổ chức hội nghị, kinh doanh ăn uống, doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê nhà,... và doanh thu từ lãi tiền gửi.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê nhà

Doanh thu cho thuê nhà được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***Doanh thu tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Các nghĩa vụ về thuế**Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác

Các loại thuế, phí khác Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

17. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

18. Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh dịch vụ giải trí công viên nước, kinh doanh du lịch lữ hành, ẩm thực và dịch vụ sự kiện... Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	812.949.667	933.661.235
Tiền gửi ngân hàng	3.105.924.014	2.667.305.344
Cộng	3.918.873.681	3.600.966.579

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2025 VND		01/01/2025 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>				
Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM- CN Hồ Gươm (1)	36.700.000.000	36.700.000.000	36.100.000.000	36.100.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Long Biên (2)	24.480.000.000	24.480.000.000	18.400.000.000	18.400.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - PGD Văn Cao - CN Tây Hồ (3)	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
Ngân hàng TMCP Lọc Phát Việt Nam - CN Hà Nội (4)	15.035.000.000	15.035.000.000	8.500.000.000	8.500.000.000
Cộng	76.715.000.000	76.715.000.000	63.500.000.000	63.500.000.000

(1) Các Hợp đồng tiền gửi với tổng số tiền 36,7 tỷ đồng, thời hạn 6-13 tháng, lãi suất 5,7-7,6%/năm, trả lãi cuối kỳ.

(2) Các Hợp đồng tiền gửi với tổng số tiền 24,48 tỷ đồng, thời hạn 6-13 tháng, lãi suất 5,3-7,2%/năm, trả lãi cuối kỳ.

(3) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 4,1%/năm, trả lãi cuối kỳ.

(4) Các Hợp đồng tiền gửi với tổng số tiền 15,035 tỷ đồng, thời hạn 6-12 tháng, lãi suất 5,0-7,55%/năm, trả lãi cuối kỳ.

3. Phải thu khách hàng

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen	163.071.462	-	57.486.240	-
Công ty TNHH Thương Mại và Đầu tư HHA Việt Nam	123.123.476	-	188.370.984	-
Nguyễn Thị Kim Anh	286.408.000	-	298.566.000	-

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Công ty TNHH Hương gia vị Sơn Hà	-	-	140.638.680	-
Tổng Công ty Du lịch Hà Nội - Công ty TNHH	209.908.800	-	-	-
Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội	174.066.000	-	-	-
Các đối tượng khác	583.576.642	(245.514.250)	1.324.870.431	(245.514.250)
Cộng	1.540.154.380	(245.514.250)	2.009.932.335	(245.514.250)

b) *Phải thu khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2*

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
a) <i>Ngắn hạn</i>		
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Du lịch TLS	228.960.000	228.960.000
Công ty CP Môi trường và Xây dựng Hợp Thành	-	308.404.800
Công ty CP Tư Vấn Phát Triển Hạ Tầng Việt Nam IDC	-	103.500.000
Công ty CP Thương mại & Du lịch Quốc tế Long Việt	-	117.000.000
Công ty Lữ Hành HanoiTourist	696.703.510	8.090.000
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Maitours	659.339.429	-
Các đối tượng khác	371.924.702	185.111.961
Cộng	1.956.927.641	951.066.761

b) *Trả trước cho người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2*

5. Phải thu khác

	Đơn vị tính: VND			
	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) <i>Ngắn hạn</i>				
Lãi dự thu của các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	1.810.902.245	-	1.252.037.946	-
Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM- CN Hồ Gươm	906.721.096	-	726.333.698	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ	20.050.685	-	21.087.671	-
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Long Biên	521.462.519	-	395.570.001	-
Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam - CN Hà Nội	362.667.945	-	109.046.576	-

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Các khoản phải thu khác	195.051.223	-	55.509.731	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen	130.909.092	-	-	-
Các đối tượng khác	64.142.131	-	55.509.731	-
Ký cược, ký quỹ	20.000.000	-	20.000.000	-
Phải thu người lao động	114.266.811	-	337.982.600	-
Nguyễn Hà Diễm Ly	-	-	131.500.000	-
Nguyễn Thị Kim Anh	-	-	57.199.000	-
Hoàng Thị Tầm	-	-	50.000.000	-
Nguyễn Thị Lan	-	-	46.709.600	-
Hoàng Thị Vân Anh	44.511.500	-	6.000.000	-
Đoàn Thị Ngọc	56.296.289	-	-	-
Đặng Minh Thanh	10.113.884	-	-	-
Các đối tượng khác	3.345.138	-	46.574.000	-
Cộng	2.140.220.279	-	1.665.530.277	-

b) Phải thu khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2

6. Nợ xấu

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán, khó có khả năng thu hồi				
Công ty CP Tư vấn và Đào tạo Connect	96.800.000	-	96.800.000	-
Công ty TNHH Du Lịch và Tổ chức sự kiện Sắc Việt	33.259.000	-	33.259.000	-
Công ty CP Heartlink	115.455.250	-	115.455.250	-
Cộng	245.514.250	-	245.514.250	-

7. Hàng tồn kho

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	271.247.849	-	217.621.628	-
Công cụ, dụng cụ	103.185.819	-	38.157.522	-
Thành phẩm	19.538.230	-	32.708.760	-
Hàng hoá	335.401.712	-	280.347.470	-
Hàng gửi đi bán	9.934.348	-	4.843.739	-
Cộng	739.307.958	-	573.679.119	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ GIẢI TRÍ HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 614, đường Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

8. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư ngày 01/01/2025	153.754.834.422	72.259.495.675	2.062.741.818	499.822.197	228.576.894.112	
Mua trong năm	-	663.268.182	896.226.364	-	1.559.494.546	
Đầu tư XDCB hoàn thành	8.136.271.896	-	-	-	8.136.271.896	
Thanh lý, nhượng bán (*)	(13.460.979.979)	(946.407.649)	-	(31.500.000)	(14.438.887.628)	
Số dư ngày 31/12/2025	148.430.126.339	71.976.356.208	2.958.968.182	468.322.197	223.833.772.926	
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2025	104.822.535.063	65.954.978.843	1.047.438.538	366.324.730	172.191.277.174	
Khấu hao trong năm	6.582.607.700	2.199.966.759	262.857.950	78.018.000	9.123.450.409	
Thanh lý, nhượng bán (*)	(9.960.504.662)	(946.407.649)	-	(31.500.000)	(10.938.412.311)	
Số dư ngày 31/12/2025	101.444.638.101	67.208.537.953	1.310.296.488	412.842.730	170.376.315.272	
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2025	48.932.299.359	6.304.516.832	1.015.303.280	133.497.467	56.385.616.938	
Tại ngày 31/12/2025	46.985.488.238	4.767.818.255	1.648.671.694	55.479.467	53.457.457.654	

(*) Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định hữu hình trong năm chủ yếu là một số hệ thống trò chơi trong công viên đã bị phá dỡ và thanh lý theo đồ án Quy hoạch chi tiết đồng bộ khu Công viên nước Hồ Tây và Công viên Mặt trời mới đã được UBND Thành phố Hà Nội phê duyệt và Công ty đã trả lại cho UBND phường Tây Hồ để thực hiện Dự án Xây dựng tuyến đường nút giao đoạn nút giao ngõ 612 Lạc Long Quân - phố Vũ Tuấn Chiêu đến Phố Nhật Chiêu.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình tại ngày 31/12/2025 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là: 102.256.219.114 VND (Tại ngày 31/12/2024 là 60.451.985.673 VND).

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

9. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phần mềm tin học, kế toán và đào tạo	Chi phí đền bù san lấp, giải phóng mặt bằng	Cộng
<i>Nguyên giá</i>			
Số dư ngày 01/01/2025	2.020.650.000	16.304.183.000	18.324.833.000
Số dư ngày 31/12/2025	2.020.650.000	16.304.183.000	18.324.833.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>			
Số dư ngày 01/01/2025	2.020.650.000	16.304.183.000	18.324.833.000
Khấu hao trong năm	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2025	2.020.650.000	16.304.183.000	18.324.833.000
<i>Giá trị còn lại</i>			
Tại ngày 01/01/2025	-	-	-
Tại ngày 31/12/2025	-	-	-

Nguyên giá của TSCĐ vô hình tại ngày 31/12/2025 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là: 18.324.833.000 VND (Tại ngày 31/12/2024 là 18.324.833.000 VND).

10. Chi phí trả trước

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	<i>286.801.104</i>	<i>17.944.634</i>
Chi phí in vé chờ phân bổ	55.490.835	-
Chi phí tour du lịch chờ phân bổ	199.452.563	-
Chi phí bảo hiểm	8.061.410	17.944.634
Chi phí chờ phân bổ khác	23.796.296	-
<i>b) Dài hạn</i>	<i>5.952.411.595</i>	<i>7.303.991.189</i>
Chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	339.296.762	313.545.846
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	5.613.114.833	6.990.445.343
Cộng	6.239.212.699	7.321.935.823

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công trình hệ thống thoát nước tổng thể	296.253.398	200.420.065
Cộng	296.253.398	200.420.065

12. Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>a) Ngắn hạn</i>				
Công ty CP Phân phối hàng hóa An Quyền	-	-	582.999.957	582.999.957
Asia Travel and Investment Co., Ltd	456.350.880	456.350.880	1.370.578.494	1.370.578.494
Công ty TNHH Vạn Phú Kim	984.429.910	984.429.910	569.854.422	569.854.422

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Các đối tượng khác	1.181.804.816	1.181.804.816	1.842.390.267	1.842.390.267
Cộng	2.622.585.606	2.622.585.606	4.365.823.140	4.365.823.140

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2

13. Người mua trả tiền trước

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty CP Tập đoàn RED23 Việt Nam	-	35.911.904
Công ty CP Dịch vụ Truyền thông & Du lịch Á Châu	138.268.000	-
Công ty CP Du lịch và Thương mại ATLAS	110.437.000	-
Công ty CP Xúc tiến Thương mại, Đầu tư và Du lịch ANZ	151.632.000	-
Công ty CP Thương mại và Du lịch Quốc tế Long Việt	138.268.000	-
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Maitours	151.632.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch Sen Vàng	136.469.000	-
Công ty CP Thương mại Kết nối Du lịch (Travellinks)	146.901.857	-
Công ty CP Du lịch Vietsense	138.268.000	-
Các đối tượng khác	479.359.000	157.070.000
Cộng	1.591.234.857	192.981.904

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

				Đơn vị tính: VND
Khoản mục	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2025
a) Phải nộp				
Thuế GTGT	-	4.803.348.031	4.663.874.060	139.473.971
Thuế TNDN	574.593.022	2.378.811.181	1.429.593.022	1.523.811.181
Thuế thu nhập cá nhân	43.687.351	448.502.662	457.389.582	34.800.431
Thuế tài nguyên	1.167.400	101.443.200	98.686.760	3.923.840
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	5.883.817.334	5.883.817.334	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.520.000	212.825.280	215.345.280	-
Cộng	621.967.773	13.828.747.688	12.748.706.038	1.702.009.423
b) Phải thu				
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	30.340.349	30.340.349	-	-
Cộng	30.340.349	30.340.349	-	-

15. Chi phí phải trả

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn		
Phải trả chi phí sự kiện/tiệc cưới	903.906.820	929.279.704
Phải trả chi phí đồng phục nhân viên	628.620.000	785.595.000
Trích trước tiền nghỉ mát, dưỡng sức cho CBNV	666.500.000	948.500.000
Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản phải trả	383.134.398	395.401.449

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Phải trả chi phí ăn ca cho nhân viên	190.300.000	-
Phải trả chi phí tổ chức chương trình tổng kết năm	424.989.000	-
Trích trước chi phí phải trả khác	412.777.014	1.216.974.866
Cộng	3.610.227.232	4.275.751.019
16. Phải trả khác	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.101.331.177	987.706.443
Kinh phí công đoàn	149.166.327	58.095.430
Cổ tức phải trả	952.164.850	915.491.950
Phạm Thị Đào Nguyên	-	14.119.063
b) Dài hạn	13.439.991.780	7.355.741.780
Nhận ký quỹ, ký cược	13.439.991.780	7.355.741.780
Chi nhánh Công ty CP Dịch vụ cà phê Cao Nguyên	600.075.780	336.075.780
Công ty CP Tập đoàn FARM FOODS Việt Nam	-	108.800.000
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư HHA Việt Nam	179.916.000	179.916.000
Công ty CP Tập đoàn RED23 Việt Nam	-	70.950.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen (*)	12.660.000.000	6.660.000.000
Cộng	14.541.322.957	8.343.448.223
(*) Khoản đặt cọc theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 27/HĐHTKD-Haseco/2024 ngày 07/02/2024, số tiền 12.000.000.000 đồng và Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 343.3/HĐHTKD-Haseco/2024 ngày 27/11/2024, số tiền 660.000.000 VND.		
c) Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2		
17. Doanh thu chưa thực hiện	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen trả trước tiền theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh	3.132.263.629	2.999.536.364
Chi nhánh Công ty CP Dịch vụ cà phê Cao Nguyên trả trước tiền theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh	343.879.091	269.159.800
Công ty CP VTC Dịch vụ Di động	94.537.037	-
Cộng	3.570.679.757	3.268.696.164
b) Doanh thu chưa thực hiện với các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2		
18. Dự phòng phải trả	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn		
Dự phòng quỹ tiền lương	-	810.000.000
Cộng	-	810.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ GIẢI TRÍ HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 614, đường Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

19. Vốn chủ sở hữu

19.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND	
								Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2024	92.974.500.000	8.162.250.000	(28.000.000)	5.001.189.026	2.098.251.553	(8.644.589.232)		99.563.601.347
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	13.192.433.089		13.192.433.089
Số dư ngày 01/01/2025	92.974.500.000	8.162.250.000	(28.000.000)	5.001.189.026	2.098.251.553	4.547.843.857		112.756.034.436
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	9.014.444.725		9.014.444.725
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	-	(3.717.860.000)		(3.717.860.000)
Phân phối các quỹ (*)	-	-	-	-	-	(829.983.857)		(829.983.857)
Số dư ngày 31/12/2025	92.974.500.000	8.162.250.000	(28.000.000)	5.001.189.026	2.098.251.553	9.014.444.725		117.222.635.304

(*) Công ty thực hiện chia cổ tức và phân phối lợi nhuận vào các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-DHĐCĐ ngày 24/04/2025.

19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2025	01/01/2025	VND	VND
Tổng Công ty Du lịch Hà Nội	42.700.000.000	42.700.000.000		42.700.000.000
Tập đoàn Bảo Việt	18.000.000.000	18.000.000.000		18.000.000.000
Công ty TNHH Trí Thành	5.250.000.000	5.250.000.000		5.250.000.000
Công ty TNHH MTV Putaleng	4.705.000.000	4.705.000.000		4.705.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen	9.385.650.000	9.385.650.000		9.385.650.000
Vốn góp của các đối tượng khác	12.933.850.000	12.933.850.000		12.933.850.000
Cộng	92.974.500.000	92.974.500.000		92.974.500.000

* Số lượng cổ phiếu quỹ: 2.800 cổ phiếu



Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (1)	Vốn điều lệ đã góp (2)	Vốn điều lệ còn phải góp (3)=(1)-(2)
	VND	VND	VND
	100.000.000.000	92.974.500.000	7.025.500.000
Cộng	100.000.000.000	92.974.500.000	7.025.500.000

19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn góp của chủ sở hữu	92.974.500.000	92.974.500.000
Vốn góp đầu năm	92.974.500.000	92.974.500.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	92.974.500.000	92.974.500.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.717.860.000	-

19.4 Cổ phiếu

	31/12/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	9.297.450	9.297.450
Cổ phiếu phổ thông	9.297.450	9.297.450
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	2.800	2.800
Cổ phiếu phổ thông	2.800	2.800
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.294.650	9.294.650
Cổ phiếu phổ thông	9.294.650	9.294.650
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng		

19.5 Các quỹ của doanh nghiệp

Khoản mục	01/01/2025	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2025
Quỹ đầu tư phát triển	5.001.189.026	-	-	5.001.189.026
Quỹ khác thuộc vốn CSH	2.098.251.553	-	-	2.098.251.553
Cộng	7.099.440.579	-	-	7.099.440.579

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

(*) Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.
- Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được hình thành từ lợi nhuận sau thuế và được sử dụng vào việc khen thưởng hoặc các mục đích khác phục vụ công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị.

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	31/12/2025	01/01/2025
USD	300,1	300,1

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	152.327.211.223	156.188.812.323
Cộng	152.327.211.223	156.188.812.323

b) Doanh thu bán hàng cho các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	103.759.273.556	103.116.286.129
Cộng	103.759.273.556	103.116.286.129

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.025.175.735	2.690.889.039
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	247.883	351.417
Cộng	4.025.423.618	2.691.240.456

4. Thu nhập khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập về nhượng bán, thanh lý tài sản	-	665.016.939
Thu nhập từ thanh lý phế liệu	176.057.407	-
Các khoản thu nhập khác	163.069.955	135.046.211
Cộng	339.127.362	800.063.150

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

5. Chi phí khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí về nhượng bán và thanh lý tài sản	3.500.475.317	-
Các khoản chi phí khác	113.222	6.032.638
Cộng	3.500.588.539	6.032.638

6. Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	17.259.892.898	18.924.849.101
Chi phí nhân viên bán hàng	7.067.105.937	6.733.154.468
Chi phí dụng cụ đồ dùng	804.301.083	778.973.949
Khấu hao tài sản cố định	1.501.119.865	1.416.367.811
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.382.525.547	5.260.049.489
Chi phí bằng tiền khác	3.504.840.466	4.736.303.384
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	20.778.751.304	23.355.937.900
Chi phí nhân viên quản lý	7.272.611.573	7.160.466.853
Chi phí vật liệu quản lý	437.234.402	491.599.215
Chi phí đồ dùng văn phòng	131.374.888	200.653.840
Khấu hao tài sản cố định	505.680.244	604.371.767
Thuế, phí, lệ phí	6.228.426.163	6.687.851.506
Chi phí dự phòng	-	810.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.329.153.593	3.310.928.037
Chi phí bằng tiền khác	3.874.270.441	4.090.066.682
Cộng	38.038.644.202	42.280.787.001

7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.674.395.941	2.435.970.771
Chi phí nhân công	26.885.907.335	27.159.314.278
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.108.370.576	9.010.970.018
Chi phí dịch vụ mua ngoài	95.426.433.155	95.653.037.663
Chi phí bằng tiền khác	8.702.810.751	11.137.780.400
Cộng	141.797.917.758	145.397.073.130

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường		
Lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	11.393.255.906	14.277.010.161

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	500.800.000	444.000.000
Các khoản điều chỉnh khác (nếu có)	-	-
Lỗ được chuyển và bù trừ lãi lỗ các hoạt động	-	(9.298.124.803)
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	11.894.055.906	5.422.885.358
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.378.811.181	1.084.577.072

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.014.444.725	13.192.433.089
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	(829.983.857)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(829.983.857)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(829.983.857)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.014.444.725	12.362.449.232
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.294.650	9.294.650
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	969,85	1.330,06

(*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2024 là số liệu thực tế Công ty đã trích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2025 của Công ty.

Năm 2025 lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông chưa được loại trừ số trích quỹ khen thưởng phúc lợi do Công ty chưa có kế hoạch trích lập.

(**) Do trên Báo cáo tài chính năm 2024 Công ty chưa trích quỹ khen thưởng phúc lợi nhưng số liệu trích quỹ từ lợi nhuận năm 2024 đã được công bố chính thức tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 nên Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2025. Cụ thể như sau:

	Năm 2024		
	Số trước điều chỉnh VND	Điều chỉnh VND	Số sau điều chỉnh VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.192.433.089	-	13.192.433.089
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	(829.983.857)	(829.983.857)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(829.983.857)	(829.983.857)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(829.983.857)	(829.983.857)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	13.192.433.089	(829.983.857)	12.362.449.232
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.294.650		9.294.650
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.419,36		1.330,06

VII. Những thông tin khác

1. Các cam kết

Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký hai (02) hợp đồng thuê đất với Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội để thuê đất với mục đích làm khu vui chơi giải trí. Theo đó, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định hiện hành của Nhà nước, cụ thể:

(1) Mảnh đất tại số 614 đường Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, Hà Nội với tổng diện tích theo Hợp đồng thuê đất là 17.677,7 m², diện tích thu hồi và điều chỉnh giảm theo Quyết định số 2489/QĐ-CTUBND của UBND phường Tây Hồ ngày 06/11/2025 là 8.333,4 m², diện tích còn lại là 9.344,3 m²; thời hạn thuê đến ngày 27/3/2049; mục đích sử dụng đất để làm khu vui chơi giải trí.

(2) Mảnh đất tại số 614 đường Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, Hà Nội với tổng diện tích theo Hợp đồng thuê đất là 60.284,8 m², diện tích thu hồi theo Quyết định số 2489/QĐ-CTUBND của UBND phường Tây Hồ ngày 06/11/2025 là 1.349,7 m², diện tích còn lại là 58.935,1 m²; thời hạn thuê 50 năm đến ngày 27/3/2049; mục đích sử dụng đất để làm khu vui chơi giải trí.

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

3. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Tổng Công ty Du lịch Hà Nội - Công ty TNHH
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen
Tập đoàn Bảo Việt
Bà Nguyễn Thị Vân

Ông Nguyễn Văn Dũng

Ông Lê Xuân Nam

Bà Cao Minh Trúc

Mối quan hệ

Cổ đông lớn sở hữu trên 10% cổ phần

Cổ đông lớn sở hữu trên 10% cổ phần

Cổ đông lớn sở hữu trên 10% cổ phần

Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 03/06/2024)

Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 20/03/2024)

Chủ tịch HĐQT (Thôi giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT từ ngày 03/06/2024, miễn nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT từ ngày 25/06/2024)

Phó chủ tịch HĐQT

Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 21/11/2024)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Ông Nguyễn Đức Thành	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 21/11/2024)
Ông Nguyễn Xuân Hải	Thành viên HĐQT
Ông Đoàn Anh Trung	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Trường Giang	Thành viên HĐQT
Bà Lê Thị Giang	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 25/06/2024)
	kiêm Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 20/03/2024)
Ông Hoàng Văn Toàn	Phó Tổng giám đốc
Bà Nghiêm Thị Hồng Hạnh	Phó Tổng giám đốc
Bà Lê Thị Nhạn	Phó Tổng giám đốc
Bà Văn Thị Cẩm	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Minh Trí	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Bùi Thanh Hùng	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Vũ Quang Tuyên	Kế toán trưởng

a) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Bán hàng	17.461.159.321	14.587.867.082
Tổng Công ty Du lịch Hà Nội - Công ty TNHH	1.283.525.790	1.967.015.232
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen	16.177.633.531	12.620.851.850
Mua hàng	8.977.211.997	3.455.982.160
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen	8.977.211.997	3.455.982.160
Nhận đặt cọc hợp tác	6.000.000.000	6.660.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen	6.000.000.000	6.660.000.000
Chia cổ tức	1.708.000.000	-
Tổng Công ty Du lịch Hà Nội - Công ty TNHH	1.708.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen	375.426.000	-
Tập đoàn Bảo Việt	720.000.000	-

b) Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu khách hàng	372.980.262	57.486.240
Tổng Công ty Du lịch Hà Nội - Công ty TNHH	209.908.800	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen	163.071.462	57.486.240
Trả trước cho người bán	10.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen	10.000.000	-
Phải thu khác	130.909.092	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen	130.909.092	-

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Phải trả người bán	-	4.177.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen	-	4.177.000
Doanh thu chưa thực hiện	3.132.263.629	2.999.536.364
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen	3.132.263.629	2.999.536.364
Các khoản phải trả khác	12.660.000.000	6.660.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen	12.660.000.000	6.660.000.000

c) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thù lao và tiền thưởng của các thành viên Hội đồng quản trị	927.152.000	666.000.000
Thù lao và tiền thưởng của các thành viên Ban kiểm soát	323.223.000	222.000.000
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt	1.721.007.201	1.988.950.761
Cộng	2.971.382.201	2.876.950.761

Chi tiết từng thành viên như sau:

Thù lao và tiền thưởng của các thành viên Hội đồng quản trị	927.152.000	666.000.000
Nguyễn Thị Vân	196.860.000	120.000.000
Nguyễn Văn Dũng	26.326.000	69.000.000
Lê Xuân Nam	170.227.000	126.000.000
Nguyễn Đức Thành	25.097.000	71.500.000
Cao Minh Trúc	80.282.000	6.500.000
Lê Thị Giang	112.223.000	39.000.000
Nguyễn Xuân Hải	105.379.000	78.000.000
Đoàn Anh Trung	105.379.000	78.000.000
Nguyễn Trường Giang	105.379.000	78.000.000
Thù lao và tiền thưởng của các thành viên Ban kiểm soát	323.223.000	222.000.000
Văn Thị Cẩm	193.527.000	126.000.000
Nguyễn Minh Trí	64.848.000	48.000.000
Bùi Thanh Hùng	64.848.000	48.000.000
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt	1.721.007.201	1.988.950.761
Lê Thị Giang	491.492.000	358.150.143
Nguyễn Thị Vân	-	155.642.857
Hoàng Văn Toàn	45.041.000	335.500.616
Nghiêm Thị Hồng Hạnh	453.129.797	430.998.129
Lê Thị Nhạn	366.713.293	352.664.112
Vũ Quang Tuyền	364.631.111	355.994.904

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ GIẢI TRÍ HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 614, đường Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

4. Báo cáo bộ phận

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025

	Công viên nước	Công viên mặt trời mới	Kinh doanh bãi xe	Kinh doanh bán lẻ	Âm thực và dịch vụ sự kiện	Kinh doanh du lịch lữ hành	Các hoạt động kinh doanh khác	Đơn vị tính: VND	
								Tổng cộng	
Tài sản									
Tài sản bộ phận	16.079.816.228	367.314.372	-	235.823.765	17.041.040.002	2.451.401.046	110.582.498.027	146.757.893.440	
Nợ phải trả									
Nợ phải trả bộ phận	2.014.743.401	-	19.855.000	25.040.000	1.464.333.012	2.405.091.262	23.606.195.461	29.535.258.136	

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024

	Công viên nước	Công viên mặt trời mới	Kinh doanh bãi xe	Kinh doanh bán lẻ	Âm thực và dịch vụ sự kiện	Kinh doanh du lịch lữ hành	Các hoạt động kinh doanh khác	Đơn vị tính: VND	
								Tổng cộng	
Tài sản									
Tài sản bộ phận	13.877.382.147	4.273.003.979	-	216.454.617	17.999.778.225	1.580.946.051	98.246.674.754	136.194.239.773	
Nợ phải trả									
Nợ phải trả bộ phận	3.588.489.172	37.476.000	13.044.000	11.596.000	2.106.509.963	1.799.510.765	15.881.579.437	23.438.205.337	



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ GIẢI TRÍ HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 614, đường Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Báo cáo kết quả kinh doanh cho năm tài chính 2025

	Công viên nước	Công viên mặt trời mới	Kinh doanh bãi xe	Kinh doanh bán lẻ	Ấm thực và dịch vụ sự kiện	Kinh doanh du lịch lữ hành	Các hoạt động kinh doanh khác	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
Doanh thu thuần	48.771.510.634	909.863.640	666.322.854	2.632.582.130	27.475.498.205	52.376.700.572	19.494.733.188	152.327.211.223	
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	4.025.423.618	4.025.423.618	
Chi phí sản xuất kinh doanh									
- Giá vốn hàng bán	34.597.700.655	405.214.290	-	1.447.860.104	15.059.688.271	50.025.604.962	2.223.205.274	103.759.273.556	
- Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	
- Chi phí bán hàng	3.696.555.806	-	598.826.131	814.921.884	8.576.793.660	1.992.533.686	1.580.261.731	17.259.892.898	
- Chi phí quản lý	7.508.026.618	3.665.518.435	83.422.524	333.690.072	1.084.492.751	166.845.046	7.936.755.858	20.778.751.304	
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.969.227.555	(3.160.869.085)	(15.925.801)	36.110.070	2.754.523.523	191.716.878	11.779.933.943	14.554.717.083	
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-	-	(3.161.461.177)	(3.161.461.177)	
Lợi nhuận/ Lỗ trước thuế	2.969.227.555	(3.160.869.085)	(15.925.801)	36.110.070	2.754.523.523	191.716.878	8.618.472.766	11.393.255.906	

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ GIẢI TRÍ HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 614, đường Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Báo cáo kết quả kinh doanh cho năm tài chính 2024

	Đơn vị tính: VND					Tổng cộng	
	Công viên nước	Công viên mặt trời mới	Kinh doanh bãi xe	Kinh doanh bán lẻ	Ấm thực và dịch vụ sự kiện	Kinh doanh du lịch lữ hành	Các hoạt động kinh doanh khác
Doanh thu thuần	56.679.399.635	272.154.545	1.009.237.386	3.130.463.190	24.375.543.164	54.454.708.275	16.267.306.128
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	2.691.240.456
Chi phí sản xuất kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-
- Giá vốn hàng bán	36.324.647.444	717.657.130	-	1.710.174.405	11.231.679.404	51.833.749.167	1.298.378.579
- Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	-
- Chi phí bán hàng	5.026.449.709	-	631.330.975	877.658.609	8.212.905.497	2.206.020.393	1.970.483.918
- Chi phí quản lý	8.722.659.005	3.341.327.148	96.918.447	387.673.740	1.259.939.654	193.836.867	9.353.583.039
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	6.605.643.477	(3.786.829.733)	280.987.964	154.956.436	3.671.018.609	221.101.848	6.336.101.048
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-	-	794.030.512
Lợi nhuận/ Lỗ trước thuế	6.605.643.477	(3.786.829.733)	280.987.964	154.956.436	3.671.018.609	221.101.848	7.130.131.560
							14.277.010.161

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

5. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ GIẢI TRÍ HÀ NỘI

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Thị Thúy Hà

Vũ Quang Tuyên

Lê Thị Giang